TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Việt Bắc

Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân. Là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 581/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh ngày 23/12/1988. CCCD số 096188001463. Địa chỉ: Ấp F, xã S, tỉnh Cà Mau (Xin vắng).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh H, sinh ngày 01/01/1979. Địa chỉ: Ấp F, xã S, tỉnh Cà Mau (Xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2025 và biên bản hoà giải ngày 16 tháng 01 năm 2026, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông H chung sống như vợ chồng từ năm 2019, không đăng ký kết hôn. Giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn với ông H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 16 tháng 01 năm 2026, ông Phạm Minh H trình bày:

Ông H thống nhất với trình bày của bà T, ông H và bà T không đăng ký kết

hôn. Ông H đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, bà T, ông H đều yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Huỳnh Thị Bích T, ông Phạm Minh H, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Phạm Minh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà T và ông H đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà T có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H thống nhất với yêu cầu của bà T, đồng ý ly hôn với bà T. Mối quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Bích T và ông Phạm Minh H có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Bích T và ông Phạm Minh H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Huỳnh Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 29 tháng 12 năm 2025, bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007206 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Huệ